TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS - ST.
Ngày: 24 - 4 - 2019.
V/v "tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hụi)".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

2. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST - DS, ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc "tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hụi)", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST - DS, ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Thái Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn : Ông Triệu Du N ; sinh năm 1986, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền lập ngày 29/10/2018); địa chỉ: Đường T, ấp X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị N; sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan : Ông Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Nguyễn Văn N); sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn V (tên gọi khác là Nguyễn Văn N): Bà Huỳnh Thị N; sinh năm 1969 là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền lập ngày 12/02/2019) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 04/10/2018 của nguyên đơn bà Thái Thị T, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Triệu Du N trình bày:

Từ năm 2015 đến năm 2017, vợ chồng bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn V có tổ chức mở hụi do bà N đứng tên làm chủ hụi, bà Thái Thị T là hụi viên có tham gia các dây hụi, cụ thể:

Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 10/11/2015 âm lịch (ngày 20/12/2015 dương lịch), hụi giá 2.000.000 đồng, 01 tháng mở hụi một lần, có 31 phần, trong đó bà T tham gia 02 phần. Tính đến ngày 10/9/2017 âm lịch (ngày 29/10/2017 dương lịch), bà T đã góp được 24 lần, với số tiền là 2.000.000 đồng/phần x 02 phần x 24 lần = 96.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Mở ngày 06/01/2017 âm lịch (ngày 02/02/2017 dương lịch), hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng mở hụi một lần, có 30 phần, trong đó bà T tham gia 02 phần. Tính đến ngày 06/9/2017 âm lịch (ngày 25/10/2017 dương lịch), bà T đã góp được 10 lần, với số tiền là 2.000.000 đồng/phần x 02 phần x 10 lần = 40.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: Mở ngày 09/03/2016 âm lịch (ngày 15/04/2016 dương lịch), hụi 5.000.000 đồng, 02 tháng khui một lần, có 26 phần, bà T tham gia 01 phần. Tính đến ngày 09/9/2017 âm lịch (ngày 28/10/2017 dương lịch), bà T đã góp được 10 lần, với số tiền là 5.000.000 đồng/phần x 01 phần x 10 lần = 50.000.000 đồng.

Hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà N là hụi có lãi, chủ hụi bà N được hưởng hoa hồng vào các kỳ mở hụi, hụi 5.000.000 đồng thì bà N được hưởng hoa hồng là 2.500.000 đồng/1 kỳ mở hụi, hụi 2.000.000 đồng thì bà N được hưởng 1.000.000 đồng/1 kỳ mở hụi.

Vào tháng 9/2017 bà N tuyên bố vỡ hụi và không thu tiền hụi của bà T nữa nhưng không trả cho bà T số tiền hụi các lần bà T đã góp cho bà N hanh. Tổng cộng tiền hụi bà N nợ của bà T là 186.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T có nợ của bà N số tiền hụi chết của hai dây hụi khác là 60.000.000 đồng nên bà T và bà N thỏa thuận khấu trừ, sau khi khấu trừ số tiền 60.000.000 thì bà N còn nợ bà T tổng cộng là 126.000.000 đồng. Đến ngày 03/8/2018, bà N và bà T thống nhất chốt lại nợ hụi mà bà N còn nợ bà T và bà N đã ký tên vào "Tờ xát nhận nợ lập ngày 03/8/2018" thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi là 126.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn V hoàn trả cho bà Thái Thị T số tiền hụi là 126.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa , bị đơn bà Huỳnh Thị N cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V trình bày:

Bà Huỳnh Thị N thống nhất với toàn bộ phần trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Thái Thị T về toàn bộ nội dung hợp đồng góp hụi giữa bà N và bà T cũng như số lần bà T đã góp hụi cho bà N và số tiền hụi bà N còn nợ của bà T đúng như lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bà T tại tòa nên bà N không trình bày gì thêm. Bà N thừa nhận vào tháng 9/2017, do làm ăn thua lỗ và nhiều hụi viên hốt hụi nhưng không góp lại hụi chết nên bà Ntuyên bố vỡ hụi, bà N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hụi theo thỏa thuận với các hụi viên . Tổng cộng tiền hụi mà bà N nợ của bà T của 03 dây hụi mở ngày 10/11/2015 âm lịch (ngày 20/12/2015 dương lịch), ngày 06/01/2017 âm lịch (ngày 02/02/2017 dương lịch), ngày 09/03/2016 âm lịch (ngày 15/04/2016 dương lịch) là 186.000.000 đồng, trong đó số tiền hụi gốc bà T góp cho các dây hụi là 76.000.000 đồng và lãi hụi là 110.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T có nợ của bà N số tiền hụi chết của hai dây hụi khác là 60.000.000 đồng nên hai bên thỏa thuận khấu trừ, sau khi khấu trừ số tiền 60.000.000 thì bà N còn nợ bà T tổng cộng là 126.000.000 đồng. Đến ngày 03/8/2018, bà Nvà bà T thống nhất chốt lại nợ hụi mà bà N còn nợ bà T và bà N đã ký tên vào "Tờ xát nhận nợ lập ngày 03/8/2018" thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi là 126.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị N thống nhất cùng ông Nguyễn Văn V hoàn trả cho bà Thái Thị T số tiền hụi còn nợ là 126.000.000 đồng nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn không thể trả đủ một lần 126.000.000 đồng cho bà T nên xin Hội đồng xét xử xem xét cho bà N được trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán , Thư ký , Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự . Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 15 và Điều 29 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị T và buộc bị đơn bà Huỳnh Thị N và người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V cùng có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hụi là 126.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp : Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Thái Thị T và bị đơn bà Huỳnh Thị N cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V thống nhất xác định: Sau khi bà N tuyên bố vỡ

hụi thì vào ngày 03/8/2018 bà T và bà N thống nhất chốt lại số tiền hụi và bà N đã ký tên vào "Tờ xát nhận nợ lập ngày 03/8/2018" thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi là 126.000.000 đồng nhưng đến nay bà N không hoàn t rả số tiền trên cho bà T và các bên không có tranh chấp gì về hợp đồng góp hụi . Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 166, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hụi)".

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Thái Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị N và người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V hoàn trả số tiền hụi là 126.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi . Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Thái Thị T nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Thái Thị T và bị đơn bà Huỳnh Thị N cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V thống nhất xác định: Bà T có tham gia các dây hụi do bà N làm chủ hụi, bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hụi là duy trì dây hụi đến cùng theo đúng thỏa thuận mà vào tháng 9/2017 thì bà N tuyên bố vỡ hụi. Sau đó, bà N và bà T thống nhất chốt lại khoản tiền hụi của 03 dây hụi mở ngày 10/11/2015 âm lịch (ngày 20/12/2015 dương lịch), ngày 06/01/2017 âm lịch (ngày 02/02/2017 dương lịch), ngày 09/03/2016 âm lịch (ngày 15/04/2016 dương lịch) là 186.000.000 đồng, bà N và bà T thỏa thuận khấu trừ số tiền hụi bà T nợ bà N của 02 dây hụi khác là 60.000.000 đồng, sau khi khấu trừ thì bà N đã ký tên vào "Tờ xát nhận nợ lập ngày 03/8/2018" thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi là 126.000.000 đồng; đồng thời tại phiên tòa bà N cũng thừa nhận hiện nay còn nợ bà T số tiền hụi là 126.000.000 đồng và xác định là nợ chung của vợ chồng bà N và ông V nên thống nhất cùng ông V hoàn trả cho bà T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn V còn nợ bà Thái Thị T số tiền hụi là 126.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn bà Thái Thị T và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Thái Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn V phải trả lãi cho bà N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Đối với việc bà Huỳnh Thị N yêu cầu được trả dần số tiền 126.000.000 đồng với mức trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng; phía người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu của bà N. Xét thấy yêu cầu của bà N không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn bà Huỳnh Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V phải chịu 6.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Thái Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị T. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Nguyễn Văn N) có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà T số tiền hụi là 126.000.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Thái Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Nguyễn Văn N) phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Huỳnh Thị N và người có quy ền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V (tên gọi khác : Nguyễn Văn N) cùng có nghĩa vụ liên đới chịu 6.300.000 đồng (sáu triệu, ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Thái Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.727.000 đồng (ba triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006947, ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Cẩm Nhung